



HỘI ĐỒNG PHƯƠNG HỘI AN TÂY

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN SỰ NGHIỆP ĐƠN VỊ 2025

Mẫu biểu số 56/ND31

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thể thao và thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi khác	So sánh (%)
														Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	Chi SN kinh tế khác					
A	B	1=2+3+4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	231,669	182,623	84,358	54	2,357	2,002	2,437	2,188	109	256	835	8,734	805	148	7,780	59,539	18,936	849	
	Phường Hội An Tây	231,669	182,623	84,358	54	2,357	2,002	2,437	2,188	109	256	835	8,734	805	148	7,780	59,539	18,936	849	
1	Tổng hợp ngân sách xã	231,669	182,623	84,358	54	2,357	2,002	2,437	2,188	109	256	835	8,734	805	148	7,780	59,539	18,936	849	
	Trường Tiểu học Búi Chải (1011060)	9,426	9,287	9,287																
	Trường Mẫu giáo Bàn công Cẩm Hà (1011063)	3,802	3,796	3,796																
	Trường Mẫu giáo Bàn công Thanh Hà (1011303)	5,243	5,176	5,176																
	Trường Tiểu học Cẩm An I (1011306)	6,987	6,987	6,987																
	Trường Tiểu học Lê Độ (1011307)	7,396	7,396	7,396																
	Trường Mẫu giáo bán công Cẩm An (1011311)	2,905	2,879	2,879																
	Trường Mẫu giáo Bán công Tân An (1011314)	3,724	3,676	3,676																
	Trường THCS Chu Văn An (1068087)	9,462	9,443	9,443																
	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh (1068093)	8,542	8,542	8,542																
	Trường THCS Phan Bội Châu (1072214)	8,700	8,700	8,700																
	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (1072215)	12,869	12,860	12,860																
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND phường Hội An Tây (1145266)	9,967	8,094		1,843		804	68									5,380			
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Hội An Tây (1146325)	4,294	4,138														4,138			
	Trung tâm Phục vụ hành chính công phường Hội An Tây (1148713)	1,526	1,290														1,290			
	Phòng Văn hóa – Xã hội phường Hội An Tây (1148714)	48,447	38,543	967	54		23	1,320	359				157			157	18,479	16,917	267	
	Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị phường Hội An Tây (1148715)	77,313	43,574	4,648		514	956	1,049	1,561	109	231	667	6,734	805	17	5,912	24,523	2,019	562	
	Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Hội An Tây (1153056)	4,356	2,303						268		25	168	1,843		131	1,711				
	UBND phường Hội An Tây (1148228)	6,709	5,937				218										5,729			20